

Kinh tế nhiều thành phần luôn là nội dung lý luận quan trọng trong chính sách kinh tế của nước ta. Tuy nhiên, cho đến trước năm 1986, chính sách này trên thực tế chỉ dừng lại ở hình thức. Ở thời kỳ này kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể ... mà chủ yếu là kinh tế quốc doanh đã trải rộng và bao trùm lên toàn bộ nền kinh tế, ngược lại, các thành phần khác bị xem nhẹ và dần thu hẹp lại. Sự bình đẳng thật sự giữa các thành phần không có, cạnh tranh giữa các thành phần không được thừa nhận, giá cả bị chi phối bởi cơ chế 2 giá làm cho tính năng động của các chủ thể mất dần, động lực kinh tế giảm sút đã đẩy nền kinh tế lâm vào khủng hoảng và suy thoái nghiêm trọng, sản xuất đình đốn ngưng trệ, lưu thông rối loạn ách tắc. Thực tế đó là kết quả của sự vi phạm các qui luật kinh tế khách quan, các xu thế tất yếu cần tuân theo trong phát triển kinh tế - xã hội mà nay cần được nhận thức đúng và vận dụng một cách sáng tạo trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để giành thắng lợi trong bối cảnh khu vực hóa - toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới đang diễn ra nhanh chóng.

Sau hơn 12 năm thực hiện đường lối đổi mới kinh tế của Đảng ta, mặc dù đứng trước nhiều thử thách cả trên trường quốc tế và trong nước rất gay gắt nhưng những thành tựu mà chúng ta đạt được đến nay là đáng trân trọng. Có thể coi nội dung chính của chính sách đổi mới kinh tế là nhận thức lại và thực hiện một cơ cấu kinh tế khách quan, do vậy, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần lần đầu tiên được thống nhất và thực hiện trên phạm vi cả nước. Trong khuôn khổ bài viết sẽ bàn thêm một số vấn đề về cơ sở

khoa học của chính sách kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ đổi mới kinh tế ở nước ta.

Mặc dù chính sách kinh tế nhiều thành phần đến nay đã được thừa nhận trên cả hai phương diện lý luận và thực tế, đã góp phần tạo ra sự khởi sắc trong hoạt động kinh tế, hình thành các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển thị trường, tạo môi trường cạnh tranh và gia tăng động lực trong phát triển kinh tế xã hội mà thành tựu đạt được là đưa nước ta ra khỏi thời kỳ khủng hoảng và suy thoái kéo

quan hệ sản xuất (QHSX). Thật vậy, mỗi thành phần kinh tế bao giờ cũng thích ứng với một tính chất và trình độ nhất định của LLSX, theo đó, LLSX là nội dung luôn có vai trò quyết định đối với QHSX và đồng thời với thành phần kinh tế. Ở nước ta hiện nay, do tính đa dạng về trình độ của LLSX nên về hình thức QHSX và thành phần kinh tế tất yếu được đa dạng hóa. Bởi thế, khi xác định các thành phần kinh tế cần phải xem xét đến tính chất và trình độ phát triển của LLSX và cố nhiên phải xem xét

KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA

TS. VŨ ANH TUẤN

dài - đó là kết quả đặc biệt quan trọng không thể phủ nhận. Tuy nhiên, xoay quanh vấn đề lý luận này không phải không còn những ý kiến khác nhau. Bởi vậy, việc xây dựng chính sách nhiều thành phần nên chăng hãy xuất phát từ các cơ sở và các căn cứ sau.

1. Xuất phát từ qui luật chung phổ biến - mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất (LLSX) và

trong trạng thái động. Cũng cần lưu ý rằng trong mối quan hệ này, mỗi thành phần kinh tế đồng thời vừa tồn tại độc lập tương đối vừa tác động qua lại lẫn nhau, vừa hợp tác vừa cạnh tranh với nhau, vừa thống nhất vừa mâu thuẫn nhau trong một chỉnh thể kinh tế xã hội. Không nên hiểu mỗi thành phần kinh tế như những bộ phận tách rời, những lực lượng tự trị và theo đó cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là sự hợp nhất cơ học của các bộ phận đó.

2. Cơ sở kinh tế quan trọng để phân định thành phần kinh tế là sở hữu tư liệu sản xuất (TLSX). Sở hữu luôn là nhân tố cơ bản, cốt tử của mọi thời kỳ phát triển kinh tế xã hội. Sở hữu cũng đồng thời là phạm trù kinh tế vừa cơ bản vừa xuất phát để xem xét các vấn đề kinh tế. Một mặt, sở hữu phản ánh bản chất kinh tế trong quan hệ xã hội giữa người và người và do đó giữa các thành phần kinh tế với nhau, mặt khác, nó gắn liền và liên quan đến lợi ích, với động lực phát triển xã hội. Xuất phát từ căn cứ này, sở hữu TLSX luôn giữ vai trò là cơ sở kinh tế để xác định các thành phần kinh tế khác nhau, tuy vậy cũng cần ý thức rằng quan hệ sở hữu với thành phần kinh tế là những khái niệm không đồng nhất. Thật vậy, một hình thức sở hữu có thể tham gia vào nhiều thành phần kinh tế khác nhau, đồng thời một hình thức tổ chức



kinh tế lại có thể dung hợp nhiều hình thức sở hữu khác nhau, điều này có thể nhận thấy qua xem xét sau: Sở hữu nhà nước có thể có mặt trong nhiều hình thức tổ chức khác nhau như doanh nghiệp nhà nước, liên doanh, tổ nhượng..., ngược lại công ty cổ phần lại biểu hiện như một tổ chức kinh tế dung hợp nhiều chủ thể tương ứng với các hình thức sở hữu khác nhau cấu thành.

Lý luận và thực tiễn là vậy, nhưng không phải không còn những ý kiến khác nhau về căn cứ này nhằm định vị đúng hơn và khẳng định bản chất kinh tế của mỗi thành phần:

Thứ nhất, tư tưởng hiện hành cho rằng sở hữu là cơ sở và căn cứ chỉ rõ phạm vi từng thành phần kinh tế, theo đó mỗi hình thức sở hữu là tiền đề cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của mỗi thành phần kinh tế. Xuất phát từ tính chất của nhà nước, xuất phát từ vai trò quản lý trên cả hai tầm vĩ và vi mô của nhà nước, cũng như quan niệm về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước mà thành phần kinh tế nhà nước bao gồm các doanh nghiệp 100% vốn của nhà nước, những doanh nghiệp mà nhà nước tham gia cổ phần với tỷ lệ chi phối, những doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ cổ phiếu đặc biệt.

Thứ hai, thành phần kinh tế nhà nước chỉ gồm những doanh nghiệp hoạt động gắn với kinh tế tài nguyên, kết cấu hạ tầng và an ninh, quốc phòng mà nhà nước trực tiếp quản lý.

Nhóm ý kiến thứ ba cho rằng, đã là thành phần kinh tế nhà nước nhất là các doanh nghiệp nhà nước thì chỉ gồm những doanh nghiệp 100% vốn do nhà nước đầu tư, số còn lại dù bất kỳ nhà nước góp vốn với tỷ lệ bao nhiêu cũng phải được xem như công ty cổ phần nếu như tổ chức kinh tế đó gồm nhiều loại hình chủ sở hữu khác nhau, còn nếu như chỉ gồm một bên là nhà nước, bên kia là tư bản tư nhân cả trong và ngoài nước thì thuộc thành phần tư bản nhà nước. Cũng cần lưu ý rằng trong điều kiện kinh tế thị trường mở ngày nay, một loại hình vốn rất đặc biệt, mặc dù về mặt pháp lý thuộc một chủ (sở hữu nhà nước về đất đai, tài nguyên) nhưng lại đang trực tiếp tham gia vào cấu thành vốn nói chung ở mọi thành phần kinh tế, mọi loại hình tổ chức doanh nghiệp của nền kinh tế, bởi thế rất cần thiết phải xem xét và xử lý tốt nhất mối quan hệ giữa quyền sở hữu (sở hữu pháp lý) với quyền sử dụng và quyền quản lý (sở hữu được thực hiện về mặt kinh tế) nhất là đối với vốn đất đai và sức lao động.

3. Sự tương thích giữa các nguyên tắc quản lý, nguyên tắc phân phối với các thành phần kinh tế. Khi nghiên cứu các quan hệ giai cấp xã

hội và các quan hệ kinh tế xã hội mặc nhiên chúng ta đều thừa nhận quan hệ sở hữu TLSX là quan hệ trung tâm, bản chất nhất gắn liền với lợi ích thiết thân của chủ sở hữu. Nó vừa được coi là mục tiêu, là phương tiện và là căn cứ xuất phát để xem xét các vấn đề kinh tế, chính trị, quyền lực và động lực trong mọi hoạt động kinh tế xã hội. Các quan hệ sở hữu tuy giữ vai trò quyết định đến tính chất của các quan hệ xã hội khác, nhưng nó cũng chịu sự tác động quan trọng trở lại của các quan hệ phân phối lợi ích. Mỗi thành phần kinh tế thường chịu sự chi phối của những qui luật khách quan của nó, theo đó những nguyên tắc quản lý và phân phối sẽ hình thành. Trước đổi mới, nền kinh tế chịu sự chi phối của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, đi theo là hệ thống QHSX xã hội chủ nghĩa (XHCN) nên việc quản lý và phân phối lợi ích phải tuân theo kiểu XHCN. Ngày nay phát triển kinh tế thị trường mở với nhiều thành phần khác nhau, quan hệ quản lý và phân phối tất yếu phải được đa dạng hóa, làm nảy sinh động lực kinh tế mới. Xử lý tốt nhất quan hệ giữa quyền sở hữu, quyền sử dụng và quyền quản lý TLSX là cách tốt nhất để khẳng định vai trò chủ sở hữu, khai thông và toàn dụng các nguồn lực xã hội, tạo động lực mới thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội.

Nếu như khoảng 150 năm trước đây, khi nghiên cứu vốn dưới dạng tiền tệ và ruộng đất, K. Marx đã chỉ rõ sự tách rời giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng như một điểm đặc trưng, thì ngày nay cần tính đến sự tách rời mới giữa quyền sở hữu với quyền quản lý gắn với các hoạt động phân phối lợi ích. Tuy nhiên các quyền này không hề độc lập nhau mà trái lại luôn có quan hệ với nhau và không thể tách rời nhau, hơn nữa chính việc nâng cao hiệu quả của quá trình sử dụng và quản lý TLSX là biểu hiện cụ thể của sở hữu được thực hiện về mặt kinh tế.

4. Trước đổi mới, nhiều loại nguồn lực chưa được coi là vốn hay hàng hóa, bởi vậy khi phân tích cơ sở khoa học, cơ sở kinh tế của mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế cần xem xét đến tính chất của lao động trong các thành phần kinh tế khác nhau, giữa thành phần kinh tế nhà nước với kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản nhà nước... Vấn đề này từng được cho rằng người lao động là người làm chủ trong các hoạt động kinh tế xã hội, nhất là đối với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, ngày nay còn có cách lý giải khác cho rằng người lao động - người làm thuê hay người lao động đồng thời vừa là người làm chủ vừa là người làm thuê. Cần

nhận rõ rằng, mặc dù, lao động trong mỗi thành phần kinh tế khác nhau, trong mỗi hình thức tổ chức kinh tế khác nhau hay mỗi khu vực hoặc ngành nghề khác nhau luôn có tính độc lập tương đối và chịu sự tác động khác nhau của những tính qui luật riêng có thích ứng với từng thành phần ấy, tuy nhiên hết thảy lại đều chịu sự chi phối của một hệ thống phân công lao động xã hội thống nhất được qui định bởi tính chất chung của nền kinh tế xã hội. Trong điều kiện mới này, lao động dù bất kỳ ở thành phần kinh tế nào với hình thức tổ chức gì đi nữa thì cũng luôn là lao động mà trước hết cần được trả công thích đáng theo cơ chế thị trường, đồng thời đó cũng là sự đóng góp cho tập thể và cho xã hội nói chung mà bản thân cấu thành nên lực lượng lao động xã hội.

5. Bối cảnh kinh tế mới đang xuất hiện, một loại hình kinh tế mới đang hình thành và phát triển - kinh tế trang trại. Chính sách kinh tế nhiều thành phần đang ngày càng đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng tích cực, tuy với thời gian chưa dài. Kinh tế trang trại là một hình thức kinh tế mới có nhiều hứa hẹn phát triển cả về số lượng, qui mô cũng như tính hiệu quả của nó. Theo những thông tin sơ bộ cả nước hiện có khoảng 15.000 trang trại, rải rác ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Đông Nam bộ ... và Long An. Loại hình kinh tế này rất cần được nghiên cứu và khích lệ phát triển vì sẽ nâng cao hệ số khai thác đất hoang và tài nguyên quốc gia; tăng khả năng huy động vốn cho đầu tư sản xuất; tạo nhiều việc làm mới cho người lao động; góp phần tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội ...

Tóm lại, phát triển kinh tế nhiều thành phần trong nền kinh tế thị trường mở không phải không có những hạn chế và tiêu cực nhưng những thành tựu đạt được đặc biệt là động lực phát triển được tạo ra là không thể phủ nhận. Hơn nữa việc phát triển kinh tế thị trường ở nước ta không phải là tự phát và sao chép cứng nhắc mà là phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Có thể nói kinh tế thị trường XHCN không phải là mô hình có sẵn trong lịch sử mà là một sự khám phá mới, được xem như sự đột phá về mặt lý luận vốn đang cần được bổ sung ở thời kỳ quá độ hiện nay. Trong bối cảnh đó, việc tăng cường nghiên cứu, tìm tòi những căn cứ khoa học và thực tiễn làm cơ sở cho việc xác định những thành phần kinh tế và do đó là việc hoàn thiện chính sách kinh tế nhiều thành phần ở nước ta là việc làm có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn hiện nay ■